

Trung Úy Nguyễn Văn Thiệu

Nguyễn Đạt Thịnh - K6



Mặc dù viết nhiều bài báo chỉ trích Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu về những việc ông làm trong lúc cầm vận mệnh đất nước, nhất là trong cuộc triệt thoái đưa đến thảm cảnh mất nước, nhưng tôi vẫn có một kỷ niệm đẹp về ông.

Lúc đó ông là Trung Úy Nguyễn Văn Thiệu, một trong những trung đội trưởng sinh viên sĩ quan (SVSQ) của Khóa 5 Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, và tôi là chú “tân binh” mới toanh thuộc khóa 6. Hai khóa đồng học dưới một mái trường chung trong thời gian gởi đầu.

Như mọi cậu học trò trung học vừa xếp bút nghiên, tôi hoàn toàn bỡ ngỡ trước mọi sinh hoạt của quân đội, và lúng túng ngay trong những bài học cơ bản thao diễn đầu tiên. Đằng sau quay thì dễ ợt vì chú tân binh nào cũng chỉ có một cái đằng sau, nhưng bên phải, bên trái quay là thế nào cũng có chú quay lộn để cản răng nín cười, đối diện nhìn vào mắt anh bạn mà đứng ra chú chỉ nhìn thấy đằng sau ót anh ta để so hàng. Anh SVSQ trực quát “rassemblement” (tập hợp) là chúng tôi vùng búng lên, máy móc như những con lật đật, chạy lẹ như chớp, chen nhau qua khuôn cửa rộng gần hai thước mà vẫn chưa đủ rộng cho mười chú élève officiers vọt qua trong cùng một giây ngắn. Nửa phút sau chúng tôi đưa tay chấm vai anh bạn đứng trước hoặc anh đứng bên cạnh để alignement (chính tả này viết theo tiếng Pháp để gọi nhớ lại môi trường đúng thực mà chúng tôi sống ngày đó.)

Nhanh và đúng là hai tiêu chuẩn chúng tôi phải đạt cho bằng được trong từng tác động nhỏ để sau này cũng nhanh, cũng đúng trong những vai trò chỉ huy mà quyết định chậm và sai của người sĩ quan thường đem đến những hậu quả chết chóc, gãy đổ không sửa chữa được.

Nhưng trong những ngày đầu tiên chúng tôi chưa thể nào nhanh và đúng ngay được. Chậm và sai khiến chúng tôi bắt đầu biết ném mìn kỹ luật quân đội. Tập hợp không kịp là chậm: hai củ; nút áo gài lệch, giày xúc giày, quần mở cửa, là sai: hai củ. Tôi cố nhanh, nhưng lại vướng vào cái sai thứ 3 và lãnh hai củ đầu tiên trong đời quân ngũ.

Tôi không giải thích “củ” là cái củ gì vì hễ đã là độc giả Đa Hiệu là phải hiểu, nếu không nói là đã phải ném vị cay cực của củ. Tám giờ tối Đà Lạt lạnh buốt tới xương, tôi đeo bị đã chiến lên phòng sĩ quan trực trình diện trong lúc 9 anh bạn đồng phòng ngồi quanh 3 cái bàn rộng cắm cúi gào bài trong căn phòng kín gió, ấm áp. Trung úy Nguyễn Văn Thiệu trực tối hôm đó.

Sau khi đã kiểm soát từ sợi giây giây sơ cua đến cái khăn rửa mặt, đôi vợ thứ nhì, ông tạm hài lòng và bắt đầu hạch, “Tội gì?”

“Quên gài nút quân, thưa Trung Úy.”

“Anh có biết làm cách nào để không bao giờ quên gài nút quần không?”

“Thưa biết.”

“Cách nào?”

“Gài từ dưới lên.”

“Ai dạy anh điều này?”

“Những anh bạn bị phạt trước tôi.”

“Ai dạy họ?”

“Họ bảo tôi là Trung úy dạy họ.”

“Tốt. Lần sau mà còn mở cửa sổ nữa là trường hợp gia trọng vì tái phạm. Nghe rõ chưa?”

“Rõ.”

Cái lỗi “cởi mở” chỉ là lỗi nhỏ; hai củ cũng chỉ là một trường phạt nhẹ, nhưng vì đó là trường phạt đầu tiên trong đời binh nghiệp nên tôi vẫn còn nhớ tới tuổi cổ lai hi này. Hơn nữa tuổi già chỉ đánh mất cái ký ức mới để quên tối qua ăn món gì; nhưng có cựu SVSQ nào quên tên cô Cúc bến xe đò Saint Benoît đâu.

Sau này trong thiên chức phóng viên chiến trường tôi gặp lại Đại Tá Thiệu, Trung Tướng Thiệu, Tổng Thống Thiệu nhiều



lần trong nhiều môi trường khác nhau. Tôi theo ông vào An Lộc trong những ngày thị trấn nhỏ bé này đương đầu với 3 sư đoàn Việt Cộng để viết lên hai câu thơ mộc mạc, nhưng chân tình, “An Lộc địa, sử ghi chiến tích: Biệt Kích Dù vị quốc vong thân.” Tôi cũng tháp tùng ông qua Honolulu trong chuyến ông đến đây hội đàm với Tổng Thống Lyndon B. Johnson về chiến tình Việt Nam. Ngoài những chiến trường sắt máu, những cuộc hội nghị chính trị cam go, tôi cũng còn thấy ông thoải mái hơn trong những sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật. Có lần tôi nghe ông ví von so sánh cái duyên của nữ ca sĩ Thái Thanh với chiếc xe 403, mặc dù kiểu xe cũ nhưng vẫn được ưa chuộng trong những năm Saigon bắt đầu có loại xe Peugeot 404. (Xin chị Thái Thanh cho phép nhắc lại một giai thoại văn nghệ cũ.)

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã nằm xuống; cuộc triết thoại đau lòng, tai họa và đầy uẩn khúc cũng đã xa đến 28 năm. Luận công và hài tội ông Thiệu đang trở thành việc làm của các sử gia.

Tôi cũng nghe thềm một bóng mát trên con đường vong quốc đi đã ngút ngàn thì tờ Đa Hiệu cần những kỷ niệm vang bóng trường cũ. Tôi trở lại đồi Saint Benoît, một mình đi vào Vũ Đình Trường, nơi nửa thế kỷ trước tôi đứng lên nhận lãnh trách nhiệm của một người con trai thời đất nước ly loạn sau khẩu lệnh “đứng dạy, các sĩ quan.”

Trong sân trường mộng tưởng và lạc lõng, tôi đứng nghiêm trang trọng báo cáo với Trung Uy Nguyễn Văn Thiệu, “Thưa Trung Uy, bí quyết gài nút từ dưới gài lên đã giúp tôi làm đúng nhiều việc cần phải làm đúng trong thiên chức chỉ huy. Tuy nhiên đa số công tác quân sự đều là những việc không thể không làm nhanh được. Cái nhu cầu nhanh đôi khi khiến tôi làm nhiều việc không đúng như ý tôi muốn.”

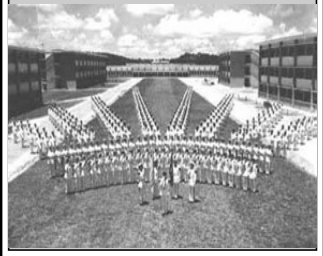
Ông không phạt tôi nữa. Hồi tưởng lại cái đêm đông giá buốt phải đi bộ nửa cây số để lên phòng trực trình diện ông, tôi nghe thềm được trở lại với sinh hoạt quân trường, nơi mà cái giá của lầm lẫn rẻ rề: hai củ.

Nguyễn Đạt Thịnh -K6

TIẾNG GỌI TRƯỜNG MẸ

Tùy bút của
Ngọc Giao - K8

Mến tặng
các út 28,29,30-31



*Đa Hiệu xin đăng bài viết “
TIẾNG GỌI TRƯỜNG MẸ” của
cố N/T Trần hữu Giao - K8 , để
tưởng nhớ người anh khả kính.
Gia đình Võ Bị từ nay sẽ không
còn được thưởng thức những
bài viết đầy giá trị của anh.*

*Mẹ đã bao lần hân hoan đón
các Con nơi cổng Trường. Mẹ đã
mỉm cười hiền hòa nhìn các Con
hăng say học tập, chiến y ướt
đẫm mồ hôi sau các buổi di hành,
tiếng cười vang vang dưới mái
Trường Mẹ thuở nào đã để lại
tâm hồn các Con bao kỷ niệm êm
đềm của buổi đầu đời Chiến Sĩ.
Những khóa học Mẹ kết hợp
thành Niên trường, Niên đệ, anh
em. Mẹ đã dạy cho các Con tình
yêu thương đồng đội cộng thêm
tình yêu Tổ Quốc, Danh dự và
Trách nhiệm. Các Con như một
làn sóng từ khắp nơi tiếp tục đổ
về, tràn chiếm lòng Mẹ.*

*Mẹ đã bao lần khóc vì sung
sướng khi chia tay các Con. Hình
ảnh các Con quỳ xác quyết lời
thề tại Vũ đình Trường. Đứng lên
các Con, các Tân Sĩ Quan, đứng
lên lãnh nhiệm vụ Bảo vệ Tổ
Quốc, bảo vệ Trường Mẹ thuở xa
nào đó, hỡi các Con còn nhớ?
Hình dáng hiên ngang, dũng cảm
vời chính Con, thân hình Con in
lên nền sương mai của Đà Lạt. Con*

đẹp vô cùng, đẹp vô tả. Những mũi tên bắn đi muôn phương. Tang bồng hồ thỉ. Những ánh kiếm sáng ngời uy nghi, những con cưng của Tổ Quốc, của Trường Mẹ quyết nêu chí cả.

Các Con đi ... các Con tới, vai chen vai rôi tỏa ra khắp Quân binh chủng, hồn Mẹ vẫn theo dõi các Con từng bước đường đi chiến đấu. Mẹ đã vượt mặt Con trong âm thầm mỗi khi Con Mẹ ngã xuống, trong trắng quá, oai hùng quá. Mẹ đã khắc ghi danh Con vào bia Tưởng Niệm của Trường Mẹ để Tổ Quốc ghi công và để Mẹ tôn thờ.

Mẹ còn nhớ: Mẹ đã khóc thật nhiều, khóc uất hận, tủi cực trong tan nát, xé lòng dành để các Con đi. Mẹ ở lại chống chọi một mình trong đêm tháng 3-75 .. Mẹ khóc vì biết các Con đã rời xa Mẹ. ..

Các Con rút đi thật hồn nhiên, với tấm lòng trong trắng, với tinh thần Đa Hiệu xứng danh Trường Mẹ, các Con rút đi trong Kỷ Luật, một Kỷ Luật rất hiêm hoi trong cơn hỗn loạn bao quanh. Một Kỷ Luật cộng đồng tôn trọng lệnh cấp Chỉ Huy nhờ Kỷ Luật của Trường Mẹ tạo ra giờ đó đã gây cảm tình và xúc động mạnh mẽ của Đồng Bào trong vùng các Con đóng quân.

Các Con đã ghi một điểm son lớn khi tình thế hỗn loạn lúc bấy giờ: Tất cả lúc đó Loạn Tương Loạn Bình chỉ có các Con còn Bình còn Tương. Tất cả lúc đó đều đâm lên nhau để tìm lấy cái Sống cho bản thân, chỉ có các Con lạnh lùng mất tìm hướng quân thù, hàng ngũ đội hình như cuộc Di Hành Tác Chiến thực sự. Tất cả lúc đó Hỗn Loạn dành giựt tài sản của Đồng Bào, chỉ có các Con bảo vệ nhau, bảo vệ đồng bào, che chở cho Bạn một cách hồn nhiên xứng danh tinh thần Võ Bị. Các Con thân nhiên về tinh thần “cùng Sống cùng Chết” lúc bấy giờ, quý hóa thay, cao cả thay, vì tinh thần Võ Bị, nhớ lại, giờ phút đó các đơn vị rút về Bình Tuy như các Con quả thật là hiêm hoi. ..

Giờ đây Mẹ cho các Con rõ: danh dự Võ Bị được giữ nguyên. Vũ khí và di chuyển toàn đội hình chiến đấu khi vào đóng quân tại Phi Trường Bình Tuy, danh dự giờ phút cuối để giữ vẻ đẹp truyền thống cho Trường Mẹ chính vì các Con tạo ra

và do Niên Trưởng các Con tranh đấu sắp xếp cho các Con đỡ. Các Con đi khỏi Bình Tuy, Anh Con ở lại chiến đấu tới cùng và đã bị cầm tù khi thất thủ Bình Tuy

Mẹ rất mừng trong gian khổ, thập phần nguy khốn, các Con vẫn thân yêu, đùm bọc và giữ danh dự cho Trường Mẹ. Bốn phận Mẹ ở lại một mình, sống cuộc đời sóng gió chịu nhiều tàn phá theo thời gian .

Các Con yêu quý ...

Mẹ vui mừng thấy các Con thoát hiểm, Mẹ tin các Con ra đi để sẽ trở về Giải Phóng Quê Hương, trở về thăm Mẹ lúc công thành. Mẹ đã nhìn đau xót và hồn Mẹ đã chìm theo đợt sóng biển nhấn tâm đã vùi dập Con của Mẹ chết với ý chí ra đi tìm Tự Do. Mẹ đã khóc, vỗ về các Con trong Lao Tù Cộng Sản, dù Mẹ hiền này tan nát cả hình hài

Mẹ vui mừng nuôi dưỡng ý chí chiến đấu của các Con còn ở lại quê nhà, các Con đã cùng Đồng Bào kết lại thành một khối, sẵn sàng chờ dịp nổi lên với sự tiếp tay của các Anh Con nơi Hải Ngoại Mẹ vẫn vỗ về truyền hơi ấm của Mẹ tới các Con hàng ngày đối đầu trực diện và hy sinh chống lại Bạo Quyền.

Các Con nơi Hải Ngoại,

Hình hài Trường Mẹ ngày một xơ xác, áo Mẹ rách tả tơi theo gió lạnh của Lâm Viên, nhưng Trường MẸ vẫn bền chí chờ các Con, vẫy gọi các Con, nước mắt Mẹ có trào dâng, nhưng, vẫn đợi các Con bên bờ suối Cam Ly Mẹ sẽ lau mồ hôi các Con bên hồ Xuân Hương khi Con về Quang Phục lại Quê nhà. Các Con hãy kết hợp nhau lại tạo thêm Sức Mạnh, một bông hồng Mẹ đã cho các Con khi ngã ngựa, thì Bó Hồng Toàn Dân mừng đón các Con sẽ do Trường Mẹ trao tặng cho các Con khi trở về cứu MẸ, cứu QUÊ HƯƠNG.

Các Con nơi Hải Ngoại thương mến của Mẹ, hãy cúi đầu nghe và hứa với MẸ: **ĐỪNG QUÊN TRƯỜNG MẸ, VỀ CỨU TRƯỜNG MẸ.**

Mẹ và các em Con đợi chờ từng ngày để cùng nhau **QUANG PHỤC QUÊ HƯƠNG.**

50 NĂM HỌP KHÓA NGẬM NGÙI (1954 – 2004)

Giao Chỉ
Vũ Văn Lộc
San Jose 2003



Lời nói đầu: Đây là một bài khá dài với 15 trang sách của cựu Sinh viên Sĩ quan Vũ Văn Lộc khóa Cương Quyết Trừ Bị Đà Lạt 1954. Chúng tôi xin đăng một phần. Có cơ hội chúng tôi sẽ đăng cả bài vào một số báo thường lệ sau này.

Anh em chúng tôi là những sinh viên của Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt vào trường tháng 3 và mãn khóa tháng 10 năm 1954. Lúc vào trường, trận Điện Biên Phủ còn đổ lửa và khi đang học thì đất nước chia đôi. Cái khóa oan nghiệt ấy được đánh số theo thứ tự của sĩ quan Trừ Bị gọi là khóa Tư Phụ. Gọi theo bên Võ Bị nó là khóa 10 phụ. Nhưng trong bản tướng mạo quân vụ bằng tiếng Pháp thì cô thư ký dâm của trường “EMIAD” đánh máy là La 2è tranche tức là khóa phụ thứ hai của trường Đà Lạt. (EMIAD = L'École Militaire Inter-Armes de Dalat)

Dù số khóa khác nhau, nhưng tên thực của nó là Cương Quyết. Trên con đường đi từ Sài Gòn lên Đà Lạt vào buổi sáng mù sương tháng 3-1954, một tai nạn xe cộ vô duyên loại ngay

ra ngoài vòng chiến mấy chú bạch diện thư sinh đã muốn sớm trả nợ tang bồng. Chưa vào trường mà đã vào Quân Y Viện.

Cho đến khi cả khóa có hai đại đội quỳ xuống vũ đình trường để làm lễ đeo Alpha đen, trở thành các SVSQ trừ bị, những đứa con nuôi của trường Đà Lạt, thì chúng tôi còn lại lối 260. anh em chia làm tám trung đội.

Chỉ huy trưởng của Trường Võ Bị lúc đó là xếp Tây, Trung tá Cheviotte. Chỉ Huy Phó và sau này trở thành Chỉ Huy Trưởng Việt Nam đầu tiên của Trường Võ Bị là Trung tá Nguyễn Văn Chuân. Đại đội trưởng Đại đội 5 là Trung úy Mango. Đại đội phó là Trung úy Cao Đăng Tường. Đại đội trưởng Đại đội 6 là Trung úy Cuzin và Đại đội phó là Tr. úy Nguyễn Thọ Lập.

Đại đội 5 gồm có các Trung đội 17, 18, 19 và 20 là nơi đã đào tạo ra Phạm Huy Sánh, Vũ Thế Quang, Nguyễn Hữu Luyện sau này.

Đại đội 6 gồm có các Trung đội 21, 22, 23 và 24 với các Trung đội trưởng là những thầy trẻ đầu tiên trong đời quân ngũ của anh em chúng tôi. Đây các tân sĩ quan đa số mới tốt nghiệp khóa trước. Khóa Đổng Đa, có thể gọi là khóa 9 phụ của Đà Lạt. Thầy Xương, thầy Tiếp, thầy Thanh, thầy Mười. Thầy Tiếp tức là Dân biểu nổi tiếng Đặng Văn Tiếp, người bị đánh chết trong trại cải tạo khi trốn trại những năm về sau.

Khi ra trường ngày 1 tháng 10-1954, sau khóa 10 Đà Lạt Alpha đỏ, khóa chúng tôi có cả Thiếu Úy, Chuẩn Úy và Trung Sĩ. Con số khác biệt lớn lao này đã nói lên cái hỗn tạp của thành phần “Cương Quyết” và đồng thời sự giao động trong hoàn cảnh đất nước chia đôi đã ảnh hưởng đến việc học hành cấp tốc của anh em sinh viên chúng tôi, thuộc loại Đà Lạt “6 tháng.” của thời 50, không thể sánh với các khóa Võ Bị văn võ toàn tài qua ba bốn năm đèn sách vào thập niên 60.

Ra trường trong cái không khí di cư 1954, khóa Cương Quyết phần lớn về làm khung cho các đơn vị Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến và các Tiểu đoàn Bộ binh. Không có ai về

ngành chuyên môn.

Riêng Trung đội 21 của tôi, 30 anh em thì đã có 10 người đi Nhảy Dù. Đám mê nhảy dù ngay từ lúc chưa ra trường đã thì thọt... đội mũ đỏ ngắm nghía trong cầu tiêu, làm cho ông thầy già Nguyễn Thọ Lập cũng theo học trò xuống núi mà tập nhảy chuồng cu. Sau này đám mũ đỏ trở thành Trần Quốc Lịch, Nguyễn Thế Nhã, Ngô Lê Tĩnh, Nguyễn Nghiêm Tôn. Đám mũ xanh cũng không kém phần lầy là Phạm Văn Chung, Ngô Văn Định

Anh em Cương Quyết chia tay từ dạo đó. Dấu diếm nhau mà làm gì, vào thừa đầu đời ấy, lý tưởng và chính nghĩa lơ mờ sương khói. Đa số sinh viên sĩ quan 54 mang tuổi Hợi, 18 cái trăng tròn. Một vài anh tuổi Tuất, chưa chắc đã có đến nửa mối tình đầu. Biết mẹ gì đâu mà nói chuyện quốc gia dân tộc. Thầy Sáu dạy đọc bản đồ, thầy Bảo trợ trợ tiếng Sông Hương dạy mình bẫy, thầy Xương cho vượt hết đoạn đường chiến binh rồi đến cơ bản thao diễn.

Khi quỳ xuống, các SVSQ, khi đứng lên các tân sĩ quan, là ông đã trở thành ông Thiếu Úy. Về đơn vị mang danh sĩ quan Đà Lạt, được làm ngay Đại đội trưởng mà đôi lúc còn sợ cả Thượng sĩ Đại đội.

Từ đó chim non cất cánh. Cùng với quê hương miền Nam và quân lực, “Cương Quyết” chúng tôi trưởng thành. Những bài học trong quân ngũ như một trường đời vĩ đại. Những trận đánh mở đầu chinh chiến. Những sự vụ văn thư, những ngày tù, những ngày cấm trại. Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm. Những em út, những con nai móng đỏ ăn bánh trả tiền. Những em gái hậu phương chỉ có chiếc khăn tay chùi mắt. Những chiếc xe cứu thương, những buổi chiều ở quân y viện, những lá quốc kỳ phủ lên quan tài.

Rồi những “Cương Quyết” đầu tiên bắt đầu nằm xuống. Nguyễn Văn Ngọc, Đại đội trưởng Đại đội 62 Tiểu đoàn Nhảy dù chết ngày 22 tháng 10-1955 tại Cờ Đỏ Thới Lai.

Trung đội 21 của tôi đã đi thêm Nguyễn Hữu Bào và Vũ

Văn Huyền khi nhảy dù đụng Bình Xuyên. Nguyễn Duy Nghĩa tự là Nghĩa Cảnh Sát Già đã đi tàu suốt ở Củ Chi. Nguyễn Văn Tải tự là Tải khờ chết ở Tiền Giang.

Đó là những người đầu tiên, nhưng không phải là những người cuối cùng.

Năm 1973 họp khóa ở Câu Lạc Bộ Sĩ Quan Tổng Tham Mutu, Khóa Cương Quyết Đà Lạt 1954, sau 19 năm chinh chiến, hai trăm bốn mươi bảy anh em duyên nợ về xếp hàng được 70 người. Dù thực sự tổn thất chỉ có 20% nhưng đa số còn lại đều bị cầm chân ở các đơn vị.

Cái Trung đội 21 của tôi cống hiến cho khóa được nhiều anh tài quái kiệt. Trên hàng ghế đầu, trong những sinh viên sĩ quan của Trung đội thầy Xương có ông tướng một sao Trần Quốc Lịch, Tư lệnh Sư đoàn 5 ngồi với ông Trung sĩ Nguyễn Kim Thoa, bưú tín viên của quân bưú cục Sài Gòn.

Số là, khi sinh viên sĩ quan Trần Quốc Lịch bắt đầu từ Thiếu úy Nhảy dù đi lên thì SVSQ Nguyễn Kim Thoa không được “đứng lên các tân sĩ quan” mà đã đeo cánh gà Trung Sĩ đi trước. Buồn duyên tử phận nên bạn Thoa sau đó đã tự ý giã từ quân ngũ, để rồi bị Quân Cảnh tóm được giáng xuống làm binh hai. Sau 19 năm lận đận, đến năm 73 họp khóa, ông Trung sĩ Thoa của quân bưú cục Biệt Khu Thủ đô ngồi cưỡi ruồi, cạnh ông Chuẩn tướng Lịch tư lệnh Sư đoàn Bình Dương.

Và năm 1973 trở thành lần họp khóa cuối cùng của chúng tôi. Năm 1974, tình hình chiến sự không cho phép, vì đa số các sĩ quan Cương Quyết lúc đó đang bị sa lầy trong các trận địa khốc liệt. Anh em đã họp thu hẹp tại Nghĩa Trang Mạc Đĩnh Chi để tiễn đưa Trung đoàn trưởng Nguyễn Thế Nhã về nơi yên nghỉ cuối cùng. Nhã với tôi cùng với Nguyễn Đăng Khánh là một tổ ba người. Khi ra trường anh Nhã về Nhảy Dù và có lúc làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 9. Sau đó anh ra Quân đoàn I làm Trung đoàn trưởng. Chuyển bay C130 đón Nhã trở về ở Tân Sơn Nhất nằm trong quan tài bọc kẽm. Tôi đặt vòng hoa cườm với hàng chữ “Cương Quyết thương tiếc

*Nguyễn Thế Nhã anh hùng.” Bạn tôi lên lon giữa hai hàng
nến chao để trở thành Cố đại tá...*

*Cái chết của Nguyễn Thế Nhã đã ghi dấu ấn mạnh mẽ vào
lòng anh em Cương Quyết chúng tôi suốt mấy chục năm qua...*

Trải qua bao nhiêu dâu bể, ở hải ngoại chúng tôi bắt đầu họp khóa nhiều lần từ 1980 đến nay. Hai mươi năm trước còn ồn ào, huyên náo. Bây giờ các kỳ họp khóa đã bớt hăng hái. Ngọn lửa lòng đã tắt rồi hay chỉ còn le lói. Trái tim bị thương, ruột gan nổi loạn. Từ năm 2000 đến nay, anh em Cương Quyết đã bớt phần quyết liệt trong cái vụ bầu bán hội trưởng. Tôi đề nghị hội ta chỉ cần một chức vụ liên lạc là đủ. Nghe danh hiệu chủ tịch Hội 110 tưởng chừng hội kín mà phát sợ. Các ông bà hội viên bây giờ dễ tính nói là để bạn tùy nghi mà định liệu. Chúng tôi giao cho bạn làm suốt đời. Quyền hạn ngang với tối cao pháp viện. Ôi! cái hội ái hữu yêu dấu của chúng ta nay đã thành một hội già. Tìm được chỗ nào bán đi thì bán. Hoặc là bán từng người, hoặc là bán từng trung đội, được giá thì bán cả khóa. Anh em bây giờ không còn sợ ai lừa ai nữa. Bây giờ đem bán cả hội cũng không có ai mua. Trên 50% quân số đã nghỉ lái xe. Khi đi di hành đường bộ 40% chỉ đi rề rề đi số 1 số 2, không thể sang số 3 được nữa. Đa số có vấn đề tim mạch. Dàn đồng đã bắt đầu mục. Bộ nhíp xơ cứng hết nhíp nhàng. Anh muốn xuống cân thì mập ù. Anh muốn lên cân thì ốm teo. Nhiều chiến sĩ từ thất lũng trở xuống đã bất khiển dụng. Tình yêu đã vỡ cánh rồi.

Tuy nhiên, nói gì thì nói, từ lúc vào đời đến nay chúng ta đã đi được 49 năm. Xin các bạn trẻ Hà Nội nhớ cho. Appelé sous les drapeaux le 20-3-54. Trình diện dưới cờ tháng 3-1954. Các bạn là EOR, Elève Officer de Réserve. Định mệnh dành các bạn cái kiếp trừ bị suốt đời cho đến hôm nay. Đường trần chỉ còn một đoạn ngắn. Đến tháng 3-2004 là đủ 50 năm hiển thánh. Tụi Tây nó rất coi trọng ngày kỷ niệm 50 năm vào đời. Yêu cầu các bạn trang bị súng ống để đánh trận cuối cùng. Trận này đánh xong rồi nghỉ luôn. Trên 110 địa chỉ tiền đồn của hội Cương Quyết từ nay mỗi tháng phải báo cáo

về trung ương một lần. Sẽ không có pháo yểm, không yểm. Chẳng có Hải pháo và B52. Đồn ai nấy giữ. Hồn ai nấy giữ. Không nghe báo cáo là coi như tiền đồn của bạn bị tràn ngập. Bạn sẽ được miễn đóng niên liễm vĩnh viễn. Tháng 3 năm 2004 sẽ có kỳ đại hội Cương Quyết 50 năm hội ngộ. Các cụ nhớ chưa. Các cụ 70 tiến lên, các cụ 80 phải đứng đấy mà chờ. Tuyệt đối cấm không được đau ốm. Về kỷ luật ta nhờ Trần Quốc Lịch. Xã hội có chị Ngô Quang Thiều. Âm thực thuộc phần bà Lại Thọ. Phạm Huy Sản sẽ đem hội kỳ về trình diện. Thủ khoa Ngô Văn Lợi đem cung tên về biểu diễn.

Vào trường tháng 3 năm 1954. Đến năm 2004 là đúng ngày của 50 năm đầy kỷ niệm. Hãy bảo trọng sức khỏe để gặp nhau một lần. Có anh sẽ là lần cuối. Nhưng vẫn còn có anh đi lại dài dài. Đi sớm nghỉ sớm. Cùng về quân khu Chín Suối. Giã từ Bốn Vùng Chiến Thuật. Ông hành quân trực thăng vận lên thẳng cõi bồng lai.

Nói thẳng ra, sợ thì ông không sợ nhưng Đại đội 6 mình nên nhường cho anh em đại đội 5 đi trước. Đại đội 5 là phe của Vũ Thế Quang và Nguyễn Hữu Luyện. Kỳ này thuyền chuyển qua Quân Khu 9. Tụi moa để tụi toa đi trước. Quang Dù và Luyện Biệt Kích nhảy Bắc, nghe được thì trả lời.

Để rồi phen này xem anh nào còn lại để làm Hội Trưởng cuối cùng. Hạp khóa trăm năm hiu quạnh... Một mình.

Ghi chú đặc biệt: Các bài viết của Giao Chỉ đều tập trung trong các tác phẩm: Cõi Tự Do, 16 Ngàn Tử Sĩ Ở Lại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, Dự Án Bảo Tàng Viện v.v...

Muốn có các tác phẩm miễn phí, xin liên lạc bằng thư về IRCC, Inc. 420-422 Park Ave., San Jose, CA 95110. Fax: (408) 971-7882. E-mail: ircc@irccsj.com

Sẵn sàng gửi biểu các cụ SVSQ Võ Bị Đà Lạt khắp thế giới.

KHÓA XI PHẠM CÔNG QUÂN



Đọc cuốn Kỷ Yếu Hải Ngoại của Tổng Hội Cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, phần viết về Khóa XI, chúng tôi thấy còn nhiều thiếu sót. Bởi vậy để đóng góp bài viết theo yêu cầu trong ĐA HIỆU Số 68 như mục đích và mong muốn của ĐA HIỆU đề ra, Khóa XI Phạm Công Quân chúng tôi có dịp tu chỉnh và bổ túc thêm những thiếu sót về Khóa XI Phạm Công Quân được đề cập trong cuốn Kỷ Yếu Hải Ngoại nói trên.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA KHÓA 11 PHẠM CÔNG QUÂN

*Các SVSQ được tuyển chọn giữa lúc giao thời “ Chiến tranh và hòa bình “ có nghĩa là chiến tranh vừa chấm dứt và hoà bình mới bắt đầu .

*Được đào tạo trong hoàn cảnh đất nước chia đôi : một bên là Quốc Gia, một bên là Cộng Sản .

*Thành phần thí sinh nhập học, có lẫn lộn các thí sinh dân sự và quân sự, nhưng đa số là thí sinh dân sự còn trẻ và một số cựu quân nhân ưu tú hơi lớn tuổi, đã đạt kết quả sát hạch trình độ văn hóa theo tiêu chuẩn tuyển chọn qui định . Ngoài ra, còn một số thí sinh thuộc các lực lượng Giáo phái và lực lượng bán quân sự tham dự với tính cách “ Dự thính “ . Vì thế có sự chênh lệch tuổi tác giữa các bạn đồng khóa .

* Khóa XI được huấn luyện hoàn toàn theo chương trình huấn luyện của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam . Điều khác biệt quan trọng là các môn học đều do Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Quốc Gia Việt Nam soạn thảo bằng tiếng Việt và do các sĩ quan Cán bộ Việt Nam phụ trách huấn luyện . Tuy nhiên , còn sót lại một vài sĩ quan Huấn Luyện Viên Người Pháp chưa kịp hồi hương , nhưng đã được thay thế ngay vào khoảng đầu năm 1955.

*Chương Trình huấn luyện gồm hai phần :

Phần I : Căn Bản quân sự .Giống như các khóa Đoàn Anh trước, nhưng có một vài khác biệt ghi ở dưới.

Phần II : Chuyên môn Binh Chủng . Khóa XI được đào tạo với chủ đích đặc biệt :“Xây

dựng tổ chức Binh Chủng chuyên môn cho Quân Đội Quốc Gia Việt Nam “ , nên cả khóa phải theo học chuyên môn Binh Chủng tại các Trường chuyên môn liên hệ, thuộc Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức khác với các khóa khác chỉ một số người được chọn lựa .

Sau khi được huấn luyện hết chương trình Căn Bản Quân Sự và đạt điểm trung bình 12 (khác với điểm trung bình các khóa trước là 10) , các SVSQ Khóa XI được dự Lễ Mãn Khóa với đầy đủ lễ nghi truyền thống , nhưng chỉ được gán **cấp hiệu Chuẩn Úy** (đây là khóa học duy nhất của lịch sử Trường Mẹ mà các tân Sĩ Quan rời Trường không được mang cấp bậc **Thiếu Úy**) để thụ huấn tiếp Phần II chuyên môn Binh Chủng. Đa số các SVSQ không chịu chọn Binh Chủng để tiếp tục thụ huấn Phần II và xin được bổ nhiệm ra đơn vị tác chiến ngay.

*Một điều khác lạ cuối cùng của Khóa XI là cái “ **Mũ Ca Lô** “. Cái khác lạ này tuy nhỏ , nhưng nó lại quan trọng , vì đã đi ra ngoài truyền thống của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam từ trước cho đến sau này , không khóa nào đội mũ Calô mà chỉ có “Bêrê đen “ hay casquette (kể từ K12 trở về sau). Các SVSQ Khóa XI phải đội mũ Calô, gấn một tam cá nguyệt, sau đó mới được cấp phát mũ Bêrê đen.

DANH HIỆU PHẠM CÔNG QUÂN

Thường thường mỗi khóa võ bị, dù hiện dịch hay trừ bị, khi ra trường đều được đặt cho một cái danh hiệu. Danh hiệu của khóa được các thẩm quyền giữ kín và chỉ công bố trong lễ mãn khóa, có thể là tên một danh nhân, danh tướng : Phan Bội Châu, Ngô Quyền ..., có thể là một địa danh , một biểu tượng : Đống Đa, Thống Nhất ..., hoặc một khát vọng, một lý tưởng : Nhân Vị, Vì Dân ...Khoa XI đã được Bộ TTM đặt tên là Khóa Phạm công Quân.

Sau khi tham khảo tài liệu chính thức của Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù và qua những cuộc phỏng vấn các Niên Trưởng đồng khóa và cùng đơn vị với Phạm Công Quân , Ban Đại Diện Khóa 11 vinh dự tóm lược tiểu sử Trung Uy Phạm Công Quân , người chiến sĩ mà tên đã được trang trọng đặt làm danh hiệu cho Khóa 11 và đương nhiên đã được ghi vào quân sử .

Trung Uy Phạm Công Quân tốt nghiệp khóa 5 Hoàng Diệu Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt (TVBQGVN sau này) , tình nguyện gia nhập TĐ3ND . Đã tham dự hầu hết các trận đánh lớn từ Bắc chí Nam và Thượng Hạ Lào như : Na Sản , Đá Voi Ninh Bình , Hành quân Carmarque, Atlante , An Khê , Cánh Đồng Chum, Vùng Đá Voi Hạ Lào và sau cùng là Ban Hine Siu. Tinh thần phục vụ , chiến đấu và tài chỉ huy của Trung Uy Phạm Công Quân đã được các bạn cùng đơn vị kính nể , kể cả các sĩ quan đồng đội và cấp chỉ huy người Pháp .

Tại Ban Hine Siu, TĐ3ND đã phải đơn phương đối đầu với gần một sư đoàn quân Bắc Việt , đơn vị đã từng bị tràn ngập rồi lại phản công giữ vững vị trí , gây tổn thất lớn cho địch và phá vỡ kế hoạch tiến quân của địch về hướng căn cứ Séno . Trung Uy PCQ đã dũng cảm hy sinh ngày 9-1-1954 và xác thân Anh vẫn còn lưu nơi chiến địa Lào Quốc .

TIỂU SỬ KHÓA 11 PHẠM CÔNG QUÂN

I – Đại cương : Tiểu sử Khóa 11 Phạm Công Quân cũng gồm có những điểm giống như các khóa khác : ngày nhập

trường , ngày ra trường , số SVSQ tham dự khóa học , số SVSQ đạt kết quả mãn khóa , SVSQ Thủ Khoa , tổ chức khóa, chương trình huấn luyện , những đóng góp của khóa trong Quân Đội v.v...

11- Ngày nhập trường : Ngày chính thức khai giảng khóa là 1-10-1954. Vì cuộc đàm phán Genève 1954 gây ra tình trạng hỗn loạn tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam , nhất là Đệ Tam Quân Khu nơi cung ứng đa số ứng viên , lại đang trong giai đoạn chuẩn bị di chuyển từ Hà Nội vào Nhatrang , do đó không thể tập trung ứng viên và tổ chức thi tuyển , nên ngày khai giảng đã phải trì hoãn nhiều lần. Một vài ứng viên đã tự động trình diện Trường Võ Bị từ ngày 1-6-1954 theo như giấy gọi , nhưng phải tới 1-10-54 khóa mới chính thức khai giảng, tuy nhiên cũng còn một số ít tới trình diện sau .

12- Ngày rời trường : Tất cả các Tân Sĩ Quan Khóa 11 được mang cấp bậc Chuẩn Uy hiện dịch kể từ 1-5-1955 theo Nghị Định số 382/QP/NĐ đã chính thức rời Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam ngày 25-4-1955 để tới trình diện các Quân trường chuyên môn liên hệ thuộc Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức , thụ huấn Phần II Binh Chủng chuyên môn vào ngày 12-5-1955 . Nhưng không hiểu vì lý do gì Nghị Định thăng cấp Chuẩn Uy mãi tới ngày 3-6-1955 mới được ban hành . Do đó trong thời gian chờ đợi , toàn thể Tân Sĩ Quan Khóa 11 đều phải lãnh lương Sinh Viên Sĩ Quan tương đương với cấp bậc Trung sĩ .

Riêng thời gian rời các trường huấn luyện Binh Chủng không nhất định , vì chương trình huấn luyện khác nhau không đồng đều . Như Công Binh chẳng hạn phải cấp tốc đào luyện ngay trong 3 tháng một số sĩ quan có khả năng để yểm trợ kế hoạch kiến thiết các vùng mới tiếp thu sau Hiệp Định Genève (rời trường 16-8-1955). Nhưng cũng có những Binh Chủng cần phải được đào tạo kỹ trong 7 tháng hay hơn để có thể yểm trợ hữu hiệu cho Bộ Binh như Binh Chủng Pháo Binh (rời trường 6-12-1955) cần thực hiện các công tác trắc địa , cung cấp bản đồ (sau này nhiệm vụ được trao lại cho Ngành

Công Binh theo hệ thống quân đội Hoa Kỳ) và cung cấp hỏa lực yểm trợ thay thế cho Không Quân Pháp , trong khi tình trạng Không Quân Việt Nam còn sơ khai mới chỉ có thể cung cấp yểm trợ quan sát , điều không tiền tuyến và chuyển vận . Tuy nhiên toàn thể Sĩ Quan Khóa 11 đều được thăng cấp Thiếu Úy cùng ngày 1-11-1955 theo Nghị Định số 110 /QP/ ND ngày 31-1-1956 do Bộ Trưởng Quốc Phòng Trần Trung Dung ký ban hành .

13- Tổng số SVSQ Nhập học : Tất cả khóa gồm có 188 Sinh Viên Sĩ Quan , đa số thuộc thành phần trẻ và có trình độ Tú Tài , một số nhỏ những Hạ Sĩ Quan ưu tú tình nguyện thuộc thành phần Quân Đội , hơi lớn tuổi , hội đủ điều kiện văn hóa và được tuyển chọn . Ngoài ra , trong số này có một số SVSQ thuộc lực lượng Giáo Phái , các lực lượng quân sự bán chính thức tham dự với tính cách “ Dự thính “Nói chung về sắc thái địa dư và thành phần xã hội đều có đủ : Bắc, Trung, Nam , thành phần Giáo Phái , lực lượng bán quân sự cùng Sắc Tộc thiểu số .

14- Tổng số Sĩ Quan tốt nghiệp : 162 SVSQ đủ điểm tốt nghiệp Phần I Căn Bản Quân Sự, nhưng chỉ có 137 được mang cấp bậc Chuẩn Úy trong 6 tháng và được thăng cấp Thiếu Úy sau khi tốt nghiệp Phần II Chuyên Môn Binh Chủng , còn 25 SVSQ dự thính không được tính trong danh sách . Ngoài ra , 1 SVSQ bị loại , 13 người không đủ điểm sát hạch Phần I và 12 người thuộc lực lượng Giáo Phái phải trở về đơn vị cũ phục vụ ngay , không theo học Phần II . Số 13 SVSQ không đủ điểm tốt nghiệp Phần I , vẫn được gửi đi thụ huấn chuyên môn Binh Chủng cùng với các bạn đồng khóa và được mang cấp bậc từ Thượng Sĩ tới Chuẩn Úy sau khi hoàn tất và tốt nghiệp Phần II Chuyên môn Binh Chủng .

15- Sĩ Quan Thủ Khoa Khóa 11 : NGÔ VĂN PHÁT .

II – Tổ Chức Khóa 11 . Để tiện điều hành và theo dõi sinh hoạt cũng như huấn luyện các SVSQ , Khóa 11 được tổ chức như sau :

21- Tổ chức : 1 Tiểu Đoàn SVSQ gồm 2 Đại Đội : 1 và 2 , mỗi Đại Đội chia làm 4 Trung Đội , mang số thứ tự từ 1 đến 8.

22- Sĩ Quan Cán Bộ :

-Tiểu Đoàn Trưởng : Thiếu Tá Robert người Pháp trong giai đoạn đầu lúc Trung Tá Nguyễn Văn Chuân còn làm Giám Đốc Trường . Khi Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu thay thế làm Chỉ Huy Trưởng Trường thì Thiếu Tá Trần Ngọc Châu làm Tiểu Đoàn Trưởng .

- Đại Đội Trưởng Đại Đội 1 : Đại Úy Nguyễn Thọ Lập (trước) Đại Úy Nguyễn Thanh Long (thay thế)

- Đại Đội Phó Đại Đội 1: Tr. Úy Khiêu Hữu Diêu-

Trung Đội Trưởng Trung đội 1: Th. úy Nguyễn Nghiệp Kiến

Trung Đội Trưởng Trung Đội 2 : Th. Úy Quan Tấn Triệu-
Trung Đội Trưởng Trung Đội 3 : Th. Úy Lê Minh Đảo

Trung Đội Trưởng Trung Đội 4: Th. Úy Nguyễn Khắc Vinh

-Đại Đội Trưởng Đại Đội 2: Tr. Úy Nguyễn Bá Long tự Thìn

-Đại Đội Phó Đại Đội 2: Trung Úy Lê Văn Bửu

-Trung Đội Trưởng Trung Đội 5 : Th. Úy Hồ Đắc Nguyên (trước) Th. Úy Nguyễn Văn Thụy (thay thế)

-Trung Đội Trưởng Trung Đội 6 : Th. Úy Lê Văn Trang (trước) Th. Úy Phan Thành Kiếm (thay thế)

-Trung Đội Trưởng Trung Đội 7 : Th. Úy Huỳnh Bửu Sơn

-Trung Đội Trưởng Trung Đội 8 : Th. Úy Phạm Quang Mỹ

III- Chương Trình huấn luyện : Khóa 11 Phạm Công Quân là khóa khởi sự áp dụng chương trình huấn luyện của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Do đó , cũng có sự khác biệt với chương trình huấn luyện của các khóa trước . Vì mục đích chính của khóa 11, theo kế hoạch của Bộ TTM , nhằm đào tạo các Sinh Viên Sĩ Quan thành những Cấp Chỉ Huy có kiến thức căn bản quân sự vững chắc , có thể chỉ huy 1 trung đội

bộ binh tác chiến đơn độc , hay trong khuôn khổ Đại Đội hoặc Tiểu Đoàn và đồng thời cũng là những Cấp Chỉ Huy có khả năng chuyên môn Binh Chủng cao trong các Binh Chủng của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam đang trong giai đoạn bành trướng.

IV- Những đóng góp của Khóa 11 Phạm Công Quân cho Chế Độ & Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa .

Các sĩ quan Khóa 11 Phạm Công Quân đã hãnh diện được Chính Phủ và Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa trao phó cho những trọng trách cao quý trong tác chiến , cũng như trong yểm trợ, trong quân sự , cũng như hành chánh, trong cả 3 ngành hành pháp , lập pháp và tư pháp . Có nhiều sĩ quan xuất sắc trong các Binh Chủng liên hệ , có sĩ quan đã được giao trọng trách điều khiển một Quân Trường , một Tiểu Khu, một Căn Cứ Yểm trợ , một Phi Đoàn Khu Trục F 5 , Tham Mưu Trưởng , Tư Lệnh Phó Sư Đoàn , Nghị Viên , Dân Biểu , Thượng Nghị Sĩ va Thẩm phán.

Như vậy có thể nói , toàn thể sĩ quan Khóa 11 Phạm Công Quân đã góp phần xây dựng Quân Đội và Chế Độ Việt Nam Cộng Hòa bằng mồ hôi và xương máu để bảo vệ miền Nam tự do.

Trong số 188 thanh niên nhập Khóa 11 Phạm Công Quân ngày 1-10-1954 đến nay chỉ còn khoảng trên 80 người. Số còn lại đã về lòng đất Mẹ bằng hy sinh trên chiến trường , trong lao tù cộng sản , trong hoàn cảnh đau yếu vì sự ngược đãi của chế độ bạo quyền cộng sản , trên biển cả bao la vượt sóng tìm tự do . Ngoài ra , cũng có một hai người anh hùng không hàng giặc , chiến đấu tới cùng , bị giặc bắt và đem ra xử tử (Trung Tá Võ Văn Đường Trưởng Ty Cảnh Sát Chương Thiện), hay tự kết liễu cuộc đời trong ngày 30-4-75 (Trung Tá Nguyễn Văn Đức Trưởng Ty Cảnh Sát Giao Thông Công Lộ thành phố Sài Gòn

V- Những sinh hoạt khóa sau khi rời Trường Mẹ – Ngay từ sau ngày kết thúc chương trình huấn luyện Phần II tại các

trường chuyển môn Binh Chủng , các sĩ quan khóa 11 Phạm Công Quân đã tỏa ra khắp 4 Quân Khu trên các Vùng Chiến Thuật . Bất cứ ở đâu : Cao Nguyên , Hỏa Tuyến , Đồng Tháp, Cà Mau , trong thị trấn địa đầu , tiền đồn heo hút hay căn cứ rộn rịp hành quân , hễ nơi đâu có bóng dáng chiến binh VNCH là có thể tìm được một bạn đồng khóa .

Nhưng không phải chỉ có những tiếp xúc cá nhân , ngay từ năm 1956 , khi cổ áo còn nhấp nháy một hoa mai vàng , các sĩ quan khóa 11 Phạm Công Quân đã tìm đến với nhau bằng cuộc họp mặt đầu tiên tại thành phố Sài Gòn , rồi cứ thế thành thông lệ mỗi năm từ mai vàng chuyển qua mai bạc cho đến ngày phải bỏ nước ra đi .

Những tình cảm gắn bó ấy không thể nào phai mờ trong tâm não các thân hữu khóa 11 Phạm Công Quân được , cho nên ngày nay , dù ở một phương trời xa lắc , một đất nước tạm dung , họ vẫn tìm đến với nhau mỗi năm một lần , kể từ 1993 . Khóa 11 cũng tham gia vào tất cả những hoạt động của Trường Mẹ và thường xuyên tiếp xúc liên lạc với các hội Võ Bị địa phương , không lúc nào quên Trường Mẹ hay làm những điều gì tổn thương và mất danh dự của Trường Mẹ .

Thay Mặt Ban Đại Diện K11 Phạm Công Quân
CSVSQ Nguyễn Văn Ngân - Đại diện

Rồng Lâm Viên lột xác (1955-1956)

Lữ Tuấn K12



Trường Võ Bị Đà Lạt có bốn thời điểm làm dấu mốc cho những thay đổi sâu rộng, đó là ngày thành lập năm 1948 ở Huế, ngày di chuyển trường về Đà Lạt năm 1950, cuộc cải cách toàn diện năm 1956 và cũng quan trọng tuy không toàn diện là khi khóa 22 chuyển sang chương trình 4 năm. Bài này chỉ trình bày những cải cách rộng lớn căn bản của trường Võ Bị Đà Lạt bắt đầu từ Khóa 12 năm 1955 để hoàn tất giai đoạn chuyển tiếp khi khóa 15 vào trường năm 1958.

Cho đến lúc ấy, là một thành phần của Quân Đội Quốc Gia với nhiều đường nét ảnh hưởng của quân đội Pháp, trường còn mang danh xưng Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, hay Ecole Militaire Inter-Armes Dalat, viết tắt EMIAD. Trường nằm trên đất tư trang trại của người Pháp tên là Farraut, trước kia từng là doanh trại của quân lính Nhật. Sang năm 1956, trường mở rộng sau khi tiếp thu khu Quân Y Viện Catroux của Pháp vừa rút về nước (cuối thập niên 1960, khu này thuộc trường Chỉ Huy & Tham Mưu).

Thời ấy SVSQ mặc quân phục kiểu Pháp. Quân phục làm việc gồm quần áo kaki vàng, giầy da đen, mũ nồi tím đen có hai sợi băng vàng và đỏ phía sau. Chiến phục "treillis" có hai túi lớn ở hai bên chân ngang đầu gối, giầy đinh và giầy đi rừng, mũ vải đi rừng và mũ sắt. Lễ phục gồm một bộ 4 túi kaki, càvạt đen và mũ nồi như quân phục làm việc. Cho tới lúc đó SVSQ không đội mũ cát kết. Cấp hiệu là chữ alpha lớn

và hình con rồng nhỏ thêu kim tuyến trên cầu vai đen. (Cấp hiệu SVSQ Trừ Bị chỉ khác SVSQ Hiện Dịch ở chỗ không có con rồng).

Phù hiệu của trường hình khiên có con rồng ôm bản đồ Việt Nam và lưỡi gươm, dưới là hàng chữ TVBLQD, có từ khi trường di chuyển về Đà Lạt. Trước năm 1956, phù hiệu nói trên bằng kim khí nạm men sứ được đeo ở khuy nắp túi áo ngực bên trái theo lối Pháp. Sau đó khi QĐVNCH sửa đổi toàn bộ hệ thống phù hiệu thì phù hiệu của trường được làm bằng vải dệt, kích thước lớn hơn để khâu vào vai áo bên trái như các đơn vị khác nhưng không còn dòng chữ TVBLQD.



Cuộc cải tổ trường VBLQĐL khởi sự cùng lúc với những thay đổi chính trị sâu rộng bắt đầu sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm tuyên cáo thành lập nước VNCH hôm 26/10/1956.

Khóa 12 khai giảng ngày 24/10/1955, một ngày sau cuộc Trưng Cầu Dân Ý suy tôn ông Ngô Đình Diệm lên ngôi tổng thống và hai ngày trước khi nền cộng hòa thứ nhất ở Miền Nam được tuyên cáo. Lúc ấy Khóa 11 đã ra trường được độ năm sáu tháng. Trong trường chỉ có một khóa Trung Đội Trưởng Cấp Tốc (tiếng Pháp gọi là Formation Accéléérée du Chef de Section, hay FACS) mãn khóa với tên khóa Vương Xuân Sỹ khoảng 2 tuần trước khi Khóa 12 khai giảng.

Khóa này là khóa cuối cùng của thời kỳ “Quân Đội Quốc Gia Việt Nam” trước khi nhà trường bước vào kỷ nguyên “Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.” Khóa CTTĐT 1955 có khi được nhiều người gọi là Khóa 11 phụ. (Xin xem chú thích ở cuối bài này).

Chỉ huy trưởng trong giai đoạn quan trọng này là Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu. Ông đóng góp nhiều trong cuộc cải tổ trường các năm 1955, 1956, và năm 1958 (sau khi ông rời trường tháng 12/56 đi học Chỉ Huy Tham Mưu ở Fort

Leavenworth, Hoa Kỳ năm 1957 và trở lại chỉ huy trường lần thứ nhì đầu năm 1958).

Cải cách đầu tiên là bãi bỏ việc dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ. Từ Khóa 11 trở đi, tất cả các môn học đều giảng bằng tiếng Việt và toàn bộ huấn luyện viên là sĩ quan Việt Nam khi người Pháp rút hết khỏi trường. Do đó có thể nói Khóa 11 là lúc trường Võ Bị Đà Lạt bắt đầu chuyển mình đổi mới.

Phái bộ huấn luyện hỗn hợp Pháp Mỹ (TRIM: Training Relation Instruction Mission) còn làm việc đến đầu năm 1955. Vài tháng sau TRIM được thay thế bằng toán cố vấn Mỹ gọi là CATO (Combat Arms Training Organization) lo giúp đỡ những việc có liên quan đến huấn luyện chiến cụ, tổ chức và chiến lược, chiến thuật Hoa Kỳ.

Chương trình học quân sự có sự thay đổi toàn bộ. Phần huấn luyện quân binh chủng được gia tăng, gồm cả phần thực tập Công Binh, hành quân thiết giáp pháo binh. Các quân dụng gồm toàn đồ trang bị do Mỹ chế tạo, như vũ khí cá nhân là súng Garand M-1 thay thế MAS-36 của Pháp....

Các môn văn hóa lần đầu tiên được đưa vào chương trình nhưng còn sơ sài, gồm Anh Ngữ đàm thoại, ôn lại Toán Lý Hóa lớp Đệ Nhị (lớp 11) và một phần của lớp Đệ Nhất (12), Sử Địa quân sự. Các khóa sau chương trình văn hóa lên cao dần. Đến Khóa 15 mới chuyển hẳn lên chương trình đại học và Khóa 16 mới đòi hỏi phải có bằng Tú Tài 2.

Ngoài đa số là thí sinh dân chính vào học, một số nhỏ SVSQ thuộc ba khóa 12, 13 và 14 là hạ sĩ quan tại ngũ có đủ điều kiện và trúng tuyển. Thêm vào đó có một số sĩ quan giáo phái đồng hóa theo học Khóa 12 với tư cách bàng thính nhưng vẫn theo đủ các môn học, thi và tốt nghiệp, được gia nhập QĐVNCH với cấp bậc thiếu úy hiện dịch. Khóa 13 có một số quân nhân Bảo An Đoàn tham dự. Đặc biệt là một số SVSQ trong 3 khóa này đã có vợ, hoặc lấy vợ khi đang học vì chưa bị đòi hỏi phải độc thân như từ Khóa 15 trở đi.

Tổ chức đơn vị SVSQ có thay đổi mới. Hệ thống tự chỉ huy (niên trưởng) được áp dụng từ khóa 12, bắt chước theo truyền thống của một số quân trường Anh Mỹ như tại trường Võ Bị West Point thuộc Lục Quân Mỹ và các quân trường đào tạo sĩ quan chuyên nghiệp ở Hoa Kỳ.

Thay đổi nổi bật về hình thức là quân phục đại lễ. Đầu năm 1956 Trung Tá Thiệu trình Tổng Tham Mưu Trưởng và Tổng Thống một kiểu quân phục đại lễ màu xanh da trời đậm hình thể giống đại lễ thông thường (áo 4 túi), có tua vai ngân tuyến và sọc trắng trên quần và tay áo. Mũ cát kết với phù hiệu “tự thắng” (còn dùng cho đến ngày nay. Trước năm 1956, SVSQ không có mũ cát kết). SVSQ Huỳnh Thanh Đồi, một cầu thủ bóng tròn, có vóc dáng cao lớn đẹp trai thuộc Trung Đội 19 được chọn làm “người mẫu”

Sau cùng Tổng Thống chấp thuận kiểu đại lễ được đệ trình với sửa đổi là quần áo vải trắng, sọc và nền phù hiệu màu xanh, tua vai vàng, vì vải trắng dễ mua, dễ giặt. Năm 1957, tua vai và nền phù hiệu mũ đổi sang màu đỏ. Bộ lễ phục cũ vải kaki được dùng khi dạo phố như là tiểu lễ hay lễ phục số 2.

Cuối năm 1955, SVSQ còn đeo cấp hiệu cũ: cầu vai đen trên có chữ alpha và con rồng thêu bằng kim tuyến. Đến đầu năm 1956, cấp hiệu toàn thể quân đội thay đổi từ cấp hiệu của quân đội Pháp sang hệ thống cấp hiệu Việt Nam. Cấp hiệu SVSQ là nút kim khí hình chỏm cầu mạ vàng đường kính khoảng 2000mm có chữ “a” nhỏ, lõm, màu đỏ. Cấp hiệu chuẩn úy cũng y như vậy nhưng chữ “a” được đúc nổi cùng màu nền vàng. Vì cấp hiệu thượng sĩ là nút cùng cỡ, mạ bạc là thượng sĩ, mạ vàng là thượng sĩ nhất, nên cấp chuẩn úy được gọi đùa là “thượng sĩ gân”). Đến mấy năm sau mới đổi lại lần nữa với alpha vàng trên cầu vai nền đo còn tồn tại đến ngày nay.

Quân phục đại lễ mới được ra mắt công chúng tại Đà Lạt tháng 6/1956 và tại Sài Gòn ngày 7/7/1956 nhân dịp kỷ niệm

2 năm chấp chính của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ngày 26/10/1955, Khóa 12 và Khóa 13 dự cuộc duyệt binh và diễu hành lớn tại Đại Lộ Trần Hưng Đạo Sài Gòn. Những lần ra mắt này đều được dân chúng nhiệt liệt hoan nghênh.

Một cải cách nghi lễ quan trọng là Lễ Truy Diệu đêm trước Lễ Mãn Khóa. Đây là tác phẩm có giá trị của nhà trường dưới thời Trung Tá Thiệu. Về sau khi làm Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, Trung Tướng Thiệu đã cho sử dụng nghi lễ này với toàn bộ tiếng thơ, âm thanh và nhạc nền tại lễ truy diệu ở Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa.

Truyền thống “chinh phục đỉnh Lâm Viên” trước khi được đeo alpha sau 8 tuần tân khóa sinh cũng bắt đầu từ khóa 12. Các tục bản cung, tục diễu trận Đống Đa cùng khẩu lệnh “Quy Xướng Các Người” và “Đứng Dậy các SVSQ” (hoặc “Tân Sĩ Quan”) đã có từ các lễ mãn khóa trước đó.

Cuộc thay da đổi vảy của con rồng Lâm Viên diễn ra một cách ngoạn mục, đã là tiền đề cho các thay đổi những năm sau đó, trước khi trường đổi tên thành Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam từ đầu năm 1960. Thời gian diễn ra nhiều thay đổi quan trọng nhất là lúc Khóa 12 và 13 đang thụ huấn. Để có một hình ảnh rõ rệt và linh hoạt về giai đoạn bản lề 1955-1956, xin tổng hợp trích thuật ký sự về Khóa 12, đăng trong Kỷ Yếu Khóa 12 Cộng Hòa, biên soạn tại California năm 1996.

VÀI NÉT VỀ KHÓA CỘNG HÒA

Khóa 12 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam được biết đến có lẽ chỉ vì đây là khóa SVSQ Hiện Dịch đầu tiên của nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

I. TỔ CHỨC KHÓA 12.

1. Nhập Học. *Giữa năm 1955, có thông cáo của Bộ Quốc Phòng về việc mở Khóa 12 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Số thanh niên khắp nơi từ vĩ tuyến 17 trở vào nô nức gửi đơn dự thi tại các trung tâm thi tuyển Huế, Nha Trang, Đà Lạt và*

Sài Gòn, tổng cộng có đến gần một ngàn người dự thi trong khi số dự tuyển là 150.

Ngày 5 tháng 10 năm 1955, số ứng viên trúng tuyển tại trung tâm Sài Gòn gồm 110 người đến đến trường. Từ Huế có 22 người đến ngày 15/10/1955. Sau đó từ Nha Trang lên có 10 người và từ Đà Lạt vào có 4 người. Ngoài ra còn có 10 sĩ quan đồng hóa từ Lực Lượng Hòa Hảo Nguyễn Trung Trực theo học với tư cách bàng thính viên, nhưng mọi quy chế kỷ luật, học trình và thi tốt nghiệp đều giống như tất cả các SVSQ khác. Khế ước đầu quân có hiệu lực từ ngày 15/10/1955, và quân vụ coi như bắt đầu kể từ đó đối với 153 sinh viên sĩ quan khóa 12. SVSQ được hưởng lương bổng và quyền lợi của cấp trung sĩ.

Khi các SVSQ mới trúng tuyển đến trường cũng là lúc có cuộc vận động trưng cầu dân ý truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại và suy tôn đương kim Thủ Tướng Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống. Ngày Thứ Hai 24/10/1955, Khóa 12 chính thức khai giảng. Ngày 26/10/55, Tổng Thống Ngô Đình Diệm tuyên cáo thành lập nước VNCH.

2. Hệ Thống Chỉ Huy. Khóa 12 lúc ấy được tổ chức thành 8 trung đội. Từ Trung Đội 9 đến Trung Đội 12 t7huộc Đại Đội 3 và Trung Đội 13 đến Trung Đội 16 thuộc Đại Đội 4. Sang năm 1956 khi khóa 13 khai giảng, Đại Đội 3 được đổi tên thành Đại Đội 5 với các Trung Đội 9, 10, 11, 12 được đổi thành 17, 18, 19 và 20. Mỗi trung đội có khoảng 18 đến 20 SVSQ. Khóa 13 có 3 đại đội mang tên Đại Đội 1, 2 và 3.

Chỉ huy trường Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt lúc ấy là Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu, chỉ huy phó là Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Bích. Thiếu Tá Đỗ Ngọc Nhận là Tiểu Đoàn Trưởng Đệ Nhất Tiểu Đoàn SVSQ Hiện Dịch, sau hai khóa 12 và 13. Đại Đội Trưởng ĐĐ4 là Đại Úy Bùi Quang Huỳnh; sau đó mấy tháng là Đại Úy Quách Huỳnh Hà. Trung Úy Nguyễn Văn Oánh là Đại Đội Trưởng Đại Đội 5.

Các sĩ quan trung đội trưởng các trung đội gồm có: Trung

đội 13: Trung Úy Bùi Thanh Thủy, 14: Trung Úy Trần Mộng Di, . 15: Trung Úy Phạm Thành Kiểm, 16: Trung Úy Huỳnh Bửu Sơn, 17: Trung Úy Hà Ngọc Phú, 18: Trung Úy Nguyễn Văn Phúc, 19: Trung Úy Tăng Tử tự Sao, 20: Trung Úy Nguyễn Văn Ngọc, Trung Úy Lê Văn Khiêm và sau cùng là Trung Úy Bùi Văn Hạp.

Hệ thống tự chỉ huy với chế độ niên trưởng của trường Võ Bị Đà Lạt bắt đầu được áp dụng từ khóa 12. Các SVSQ cán bộ tiểu đoàn, đại đội và trung đội là những SVSQ có điểm cao nhất khóa, nhất đại đội hay nhất trung đội sau kỳ thi sát hạch giai đoạn tân khóa sinh (2 tháng đầu). Từ đó, các SVSQ cán bộ chỉ huy đơn vị của mình trong các quân lữ, thay vì sĩ quan cán bộ như trước đó.

Khóa 12 có nhiệm vụ kiểm soát kỷ luật và hướng dẫn tập thể dục cho khóa 13 trong giai đoạn sơ khởi. Khóa 12 không có khóa đàn anh nào trong trường nên phải giữ vai trò niên trưởng “chuyên chính.”

Trên thực tế hệ thống này còn mới mẻ nên khóa 12 ít sáng chế những kiểu hành xác, huấn nhục mới lạ, ngoại trừ những kiểu cộ mà các sĩ quan huấn luyện viên chỉ thị phải làm theo thời khóa biểu “hành hạ” của vị sĩ quan trực Tiểu Đoàn SVSQ. Không ghi nhận có thù hận cá nhân nào vì những cuộc “huấn nhục” này.

II. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

Chương trình huấn luyện thay đổi khá nhiều so với thời gian trước đó.

1. Các môn học quân sự: *Không có nhiều khác biệt về đề tài và mục tiêu so với các khóa trước. Tuy nhiên nội dung, thời lượng và phương pháp giảng huấn có nhiều thay đổi.*

Mục đích khi thành lập trường là đào tạo các sĩ quan trung đội trưởng bộ binh và có khả năng lâm thời làm công việc chỉ huy tạm các đơn vị cấp trung đội thuộc các binh chủng yểm trợ tác chiến - pháo binh, thiết giáp và công binh chiến đấu -

khí tình hình chiến trường khẩn cấp đòi hỏi. Cũng với những bài học này, khi lên dần tới những chức vụ chỉ huy cao cấp, kiến thức căn bản về các binh chủng sẽ giúp cho việc phối hợp binh chủng trong nhiệm vụ tham mưu và chỉ huy được dễ dàng, mau chóng, và thành công.

Do quan niệm này, tên trường đầu tiên được đặt là Trường Võ Bị Liên Quân. Nhưng mãi tới Khóa 12 trở đi trường mới tổ chức huấn luyện các môn binh chủng một cách rộng rãi và cụ thể hơn. Bởi đó mới có từ ngữ “đa năng, đa hiệu” được dùng đến bây giờ..

Khóa 12 được huấn luyện về binh chủng tác chiến khá kỹ càng để nắm vững căn bản các nhiệm vụ đơn giản của một trung đội trưởng pháo binh, thiết giáp, và công binh. Thí dụ:

* Về pháo binh: SVSQ được thực tập công việc khẩu đội như tiếp đạn, nạp đạn, sử dụng máy nhắm và tiêu mồi, tính công thức dùng địa bàn trắc giác để đặt súng, giống hướng súng song song, tính yếu tố tác xạ đơn giản, bảo trì và phá hủy đại bác; và học rất kỹ về công việc điều chỉnh tác xạ ...để có thể làm nhiệm vụ điều chỉnh giản dị nhất khi giao tranh nếu không có tiền sát viên pháo binh bên cạnh.

* Về thiết giáp: thực tập các chiến thuật thiết giáp căn bản, hành quân phối hợp bộ binh thiết giáp, tác xạ đạn thật trên các loại xe của binh chủng Thiết Giáp có lúc ấy như M-24, O-8, xe tuần tiểu “nồi đồng” (AM, hay Commando Car), xe bán xích half-tracks...

* Về công binh: thực tập bắc cầu phao bằng xuống M-2, tính mũi phóng cầu và thực tập phóng cầu ghép Bailey, xem biểu diễn ráp cầu phao hạng nặng Treadway...

- Các môn học khác cũng được nâng cao trình độ và tăng thời lượng, đi sâu hơn và kỹ hơn như trong các môn chiến thuật, địa hình, vũ khí, tác xạ, súng nặng bộ binh, máy xe hơi, chất nổ, truyền tin. Riêng phần Bộ Binh học rất kỹ về súng cá nhân Garand M-1 (140 giờ) và về tác xạ súng cối 81mm. Hoặ

như môn địa hình: học khá nhiều về kỹ thuật vẽ họa đồ địa thế, các lối chiếu và ứng dụng vào bản đồ quân sự (Bonn, Lambert, nghịch đảo, Mercator và lưới UTM, khai thác không ảnh, tìm tọa độ và tính khoảng cách trên không ảnh)...

Nói chung, các môn học này quá nhiều về số lượng và khá cao về trình độ chuyên môn so với khả năng tiếp thu trung bình. Những bài học này đáng lẽ phải được dành thêm nhiều thời giờ nghiên cứu và lãnh hội, kể cả những môn khá cụ thể như máy xe hơi. Trong khi ấy, bộ Tổng Tham Mưu và bộ Quốc Phòng không muốn khóa học dài hơn để khởi làm nản lòng những thanh niên đang có ý định thi vào trường Võ Bị.

Kết quả là sau mấy tháng đầu học tối tăm mặt mũi, nhiều người có giờ nghỉ là lăn ra ngủ, cả tháng không thêm viết thơ cho gia đình. Nhưng hậu quả quan trọng nhất là trong một tháng đầu năm 1956 có 18 trường hợp thương hàn và kiệt lực được gửi sang điều trị tại Quân Y Viện Catroux của quân đội Pháp lúc ấy sắp rút về nước. Trong 18 SVSQ này, có mấy người kiệt sức vì ham tập tạ quá mức.

2. Các môn văn hóa. Khóa 12 là khóa đầu tiên được học các môn văn hóa, tuy đơn giản. Chiếm thời lượng nhiều hơn cả là môn Anh Ngữ. Một trong các Giảng viên là giáo sư Hà Văn Anh, trưởng nam của cụ Hà Văn Vượng và cụ bà người Anh; có thời cụ là bộ trưởng Kinh Tế.

Môn toán và vật lý cho ôn lại chương trình Tú Tài 1 và thêm một số đề tài về Động Học thuộc chương trình Tú Tài 2 có liên quan đến quân sự như phương trình đạn đạo, sức bền vật liệu... Các môn phân tích sử địa chú trọng vào chiến sử và địa lý quân sự đại cương hay tiêu biểu. Các vấn đề luật pháp và chính trị, kinh tế xã hội, hành chánh quân đội được đơn giản hóa bằng các buổi thuyết trình.

Trong các kỳ thi tuyển từ Khóa 12 đến 14, trình độ bài thi là chương trình Tú Tài 1 ban Toán. Khi nhập học, đa số Khóa 12 vừa học xong lớp Dự Nhị (11), một số ít ỏi có bằng Tú Tài 1. Tới Khóa 13 và 14 con số có bằng Tú Tài 1 và Tú Tài 2 tăng

thêm rất nhiều. Một số SVSQ thi đậu Tú Tài 1 và Tú Tài 2 khi còn ở trong trường.

3. Thời gian. Theo dự trù, khóa 12 sẽ mãn khóa vào tháng 4 năm 1957, trong đó 2 tháng sau cùng sẽ gồm phần lớn thì giờ để huấn luyện khóa 14 về căn bản quân sự trong 8 tuần sơ khởi của khóa này. Trước đó, toàn thể khóa 12 và khóa 13 được dự liệu phải tham dự cuộc hành quân thực tập khoảng một tháng với các loại tác xạ đạn thật.

Cuộc thao dượt dự trù xuất phát tại Ba Ngòi tiến ra Tuy Hòa trong đó các SVSQ khóa 12 và Khóa 13 sẽ được ghép vào làm việc bên cạnh các sĩ quan và hạ sĩ quan chỉ huy các bộ phận thực sự trong sư đoàn bộ binh và các binh chủng tác chiến diễn tập. Cuộc thao dượt sẽ rất vất vả và được dự đoán sẽ có thương vong một vài phần trăm vì tai nạn.

Bỗng một đêm khoảng cuối tháng 9 năm 1956, có công điện từ Sài Gòn gửi cho trường, loan báo quyết định cho cả Khóa 12 trừ những SVSQ vi phạm kỷ luật, vì lý do an ninh hay sức khỏe, còn tất cả đều phải đi du học lớp Liên Hợp Đại Đội Trưởng (Associated Company Officer) tại trường Bộ Binh Fort Benning, Hoa Kỳ, không ai được xin miễn hoãn. Công điện này và các văn thư tiếp theo còn chỉ thị hủy bỏ cuộc tập trận Ba Ngòi. Kỳ thi mãn khóa sẽ được tổ chức trong thời gian dài (15 ngày).

III. DIỄN TIẾN KHÓA HỌC.

Giai Đoạn 1: Khóa 12 được chia làm các giai đoạn hay học kỳ 1, 2 và 3. Giai đoạn 1 gồm chương trình trung đội trưởng bộ binh và các môn quân sự căn bản. Sau 8 tuần sơ khởi, các SVSQ dự cuộc tập bộ và leo núi Lâm Viên (Langbian) trước khi được gắn cấp hiệu SVSQ, lập ra thủ tục mới của trường.

Nặng nhọc nhất trong giai đoạn này là phải đi gác trung bình 2 đêm mỗi tuần, mỗi đêm 4 tiếng chia làm 2 phiên vì Đại Đội Sự Vụ thiếu binh sĩ cơ hữu. Gác xong 4 tiếng, kể như

ngày hôm sau lừ đừ học gì cũng khó vô đầu. Đáng sợ nhất (sợ ma) là gác kho đạn sâu hút dưới suối sau đài tử sĩ. Đáng yêu nhất là gác cổng chính nơi chếch bên kia đường vào cổng, người gác có thể nhìn thấy bao lơn trên lầu nhà Farraut, nơi một cô gái khá hấp dẫn người Pháp cỡ 16 đến 18 tuổi có một thời gian hay ra tập thể dục với đồ tắm lúc mờ sáng. Đường như cô bé cố tình trêu chọc các cậu SVSQ đang tuổi bốc lửa như cô.

Giai đoạn 2 gồm các môn văn hóa, binh chủng, chiến thuật cấp cao, Từ giai đoạn này, SVSQ được quyền mặc thường phục khi xuất trại ngày nghỉ. Lệ này bắt đầu từ khóa 12, được duy trì trong các khóa sau. Quy chế cho phép các SVSQ đủ điểm giai đoạn 2 nếu phải ra trường vì nhu cầu công vụ trước ngày mãn khóa sẽ được mang cấp chuẩn úy.

Sang giai đoạn 3, khóa 12 được du hành quan sát trong nước cuối tháng 10, ngay sau khi dự diễn hành Quốc Khánh 1956. Những nơi thăm viếng gồm có các cơ sở quân sự như Hải Quân Công Xưởng, căn cứ Tân Sơn Nhất, bộ Tổng Tham Mưu, trường Đại Học Quân Sự, công trình kinh tế khu định cư Cái Sắn, các thành phố Cần Thơ và Rạch Giá.

1. Thi mãn khóa. Thượng tuần tháng 11 năm 1956, kỳ thi mãn khóa bắt đầu. Các môn văn hóa và hành chánh quân đội chỉ thi viết. Các môn quân sự vừa thi viết vừa thi vấn đáp. Mỗi SVSQ bị quay từ nửa giờ đến 45 phút mỗi môn. Môn nào các giám khảo cũng đáng sợ, như chiến thuật, công binh, địa hình, quân xa ... Đại Tá Linh Quang Viên là chánh chủ khảo.

Sau khi thi xong theo chương trình học, cả khóa còn phải dự thi Trắc Nghiệm Tâm Lý để phân loại khả năng cá nhân hầu được phân phối đi các ngành. Trung Tâm Trắc Nghiệm Tâm Lý ở Sài Gòn mang máy móc lên trường, trắc nghiệm trong 5 ngày liền gồm 2 ngày trắc nghiệm bằng máy móc và 3 ngày trắc nghiệm viết. Ba ngày viết này rất vất vả, vì mỗi ngày 8 giờ làm bài, mỗi giờ đúng 50 phút căng thẳng với đúng 10 phút nghỉ.

Đây là cuộc thi trắc nghiệm dài nhất cho trọn một đơn vị trong lịch sử của Trung Tâm Trắc Nghiệm Tâm Lý từ trước năm 1954 cho đến khi trung tâm này giải tán vài năm sau khi Khóa 12 ra trường.

2. Lễ mãn khóa. *Đêm trước ngày mãn khóa, nhà trường tổ chức lễ Truy Diệu và sau đó lễ này thành truyền thống của các khóa kế tiếp.*

Giọng ngâm thơ náo nức “Lúc bấy giờ trên cánh đồng chiêm Bắc Việt...” vang lên lần đầu tiên đêm 1/12/1956 đã được đáp ứng bất ngờ bằng bản hòa tấu không có trong chương trình lễ. Đó là những tiếng nấc, tiếng sụt sịt nhỏ nhẹ nhưng nổi bật trong khung cảnh trang nghiêm lặng lẽ của vũ đình trường tối thui trừ quốc kỳ và quân kỳ sáng rực, hòa với tiếng ngâm thơ từ loa điện. Tiếng khóc lặng lẽ phát ra từ hàng ghế bên trái khán đài chính nơi có gần ba chục quả phụ các cựu SVSQ đã tử trận ngổn đứ lễ đã làm nhiều quan khách khó cầm nước mắt.

Lễ mãn khóa của Khóa 12 được tổ chức tại sân vận động khu trường mới, nguyên là Quân Y Viện Catroux của quân đội Pháp rút lui giữa năm 1956 được trường tiếp thu. Tổng Thống VNCH Ngô Đình Diệm chủ tọa lễ mãn khóa của Khóa 12, diễn ra sáng ngày 2 tháng 12 năm 1956.

Số SVSQ dự thi là 149 người, hai người không đủ điểm được đặc ân học lại khóa 13. Thủ khoa là SVSQ Phạm Phùng, Trung Đội 20. Theo nghị định của Bộ Quốc Phòng, 147 SVSQ tốt nghiệp được thăng cấp thiếu úy hiện dịch thực thụ từ 1/12/1956.

Trong lễ mãn khóa Khóa 12, theo đề nghị của trường, Tổng Thống VNCH đã đặt tên cho Khóa 12 là Khóa Cộng Hòa. Trong lễ mãn khóa, có phần diễn lại Trận Đống Đa do SVSQ hai khóa 12 và 13 trình diễn, theo truyền thống của trường có từ trước đó.

Khoảng một tháng trước khi mãn khóa, có tin đồn từ Khóa

12 trở đi, SVSQ Đà Lạt sẽ ra trường với cấp bậc chuẩn úy. Ngay sau đó, Bộ TTM có văn thư xác nhận SVSQ hiện dịch trường Võ Bị Đà Lạt tốt nghiệp với cấp thiếu úy. Tin đồn này do sự hiểu lầm khi người ta thấy Khóa 11 mang cấp chuẩn úy khi mãn khóa. Nhưng trên thực tế, khi mãn khóa SVSQ K-11 mang cấp chuẩn úy chỉ để đi thực tập tại các đơn vị. Sau hạn thực tập 3 tháng, các vị sĩ quan này tự động thăng cấp thiếu úy hiện dịch thực thụ như các khóa trước.

IV. NHỮNG ĐIỂM ĐẶC BIỆT CỦA KHÓA 12.

1. Quân phục mới. Lần đầu tiên quân phục đại lễ của SVSQ được thay đổi kiểu mới. Mùa hè năm ấy, Đà Lạt đột nhiên rớt rữ với quân phục SVSQ Võ Bị, SVSQ Hải Quân và đồng phục của sinh viên Quốc Gia Hành Chánh cùng tu nghiệp quân sự tại đây. Đại lễ mới dùng cầu vai đen khi ra phố trời khô, đeo tua vai khi dự lễ. Trời u ám hay mưa a thì diện bộ tiểu lễ kaki 4 túi.

Khi Khóa 12 được đeo cấp hiệu SVSQ thì đó là cầu vai cũ nền đen, trên có chữ alpha và hình con rồng thêu kim tuyến. Vô ý đeo lộn bên, hai con rồng quay đầu ra phía sau sẽ bị phạt vì tội đeo “rồng lộn.” Đầu năm 1956, cấp hiệu SVSQ được thay đổi cùng toàn thể quân đội: Nút chỏm cầu đeo trên cổ áo hoặc trên cầu vai.

2 . Thao diễn. Ngoài những giờ học chính thức cơ bản thao diễn kiểu mới, Khóa 12 và Khóa 13 còn phải tập diễn hành vào giờ nghỉ, tính ra có đến hàng trăm giờ. Ngày 7/7/1956, nhân kỷ niệm 2 năm Tổng Thống Ngô Đình Diệm chấp chánh, khóa 12 và khóa 13 về Sài Gòn diễn hành tại Dinh Độc Lập và trong lễ chính thức tại Trường Đua Phú Thọ với quân phục đại lễ mới. Trong cuộc diễn hành 7/7/56 tại Trường Đua Phú Thọ, suýt chút nữa thì khóa 12 phải chịu một tai nạn thê thảm..

Khi 2 đại đội khóa 12 và 3 đại đội khóa 13 bắt đầu diễn hành thì có một thùng tượng trưng quân dụng thả bằng dù để biểu diễn nhưng cả 3 dù không mở. Thùng quân dụng bằng gỗ lao vùn vút ngay trên đầu đoàn diễn hành. Các SVSQ vẫn

không rối loạn hàng ngũ, bình tĩnh như không có gì xảy ra trong khi dân chúng la hét kinh hoàng. Thùng gỗ tượng trưng quân dụng cỡ 2x 2x1,5 mét chứa đầy đất đá rớt xuống cách đại đội 5 Khóa 12 khoảng 10 mét.

Nếu lệch một chút chắc chắn có ít ra là 10 mạng nát bét. Nửa giờ sau đó hai khóa được Tướng Lê Văn Ty, Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng Trần Trung Dung và Tổng Thống VNCH khen ngợi là có kỷ luật, không vì nguy hiểm mà lệch lạc hàng ngũ.

Thực ra, các SVSQ không nao núng vẫn giữ vững đội hình chỉ vì lưỡi trai mũ che khuất khiến họ không thể nhìn lên trời. Nếu biết có cái thùng khốn kiếp ấy đang lao xuống đầu mình, có lẽ nhiều người đã cao chạy xa bay, trong đó chắc hẳn có người viết bài này dù biết có chạy cũng không kịp.

Ngày 26 tháng 10 năm 1956, Khóa 12 và Khóa 13 dẫn đầu cuộc duyệt binh và diễn binh khổng lồ trên đường Trần Hưng Đạo, Sài Gòn. Đây cũng là lễ tuyên bố Hiến Pháp VNCH. Để chuẩn bị cuộc diễn hành này, hai khóa 12 và 13 phải tập dượt cật lực suốt cả tháng trước đó bất chấp mưa nắng. Trung Tướng Lê Văn Ty thường theo dõi việc tập dượt. Kết quả là các chuyển diễn hành này thành công rực rỡ.

Những dịp này là để quảng cáo cho trường, hấp dẫn thanh niên yêu nước đầu quân vào các khóa sau. Chỉ nhìn vào con số khán giả và sự hoan hô cuồng nhiệt của họ, cũng đủ thấy thành công khiêm tốn của hai khóa 12 và 13. Hình ảnh hào hùng của họ đã tạo ra sức thu hút cảm tình sâu đậm của các khán giả nam cũng như nữ, nhất là nữ, cảm tình mà các khóa sau được thụ hưởng nhiều hơn ba khóa “đại niên trường.”

3 . Kỷ luật. Khóa 12 nhập học đúng lúc chính phủ Ngô Đình Diệm đang xây dựng quyền lực. Tổ chức Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và Đảng Cần Lao Nhân Vị phát triển cơ sở cả trong quân đội. Sự kiện này gây một số xáo trộn trong bộ chỉ huy trường, tác động mạnh - xấu và tốt - đến tinh thần nhiều anh em, nhưng đồng thời cũng là yếu tố gây ảnh hưởng

lớn đến kỷ luật của SVSQ. Những buổi kiểm thảo nghiêm chỉnh đã góp phần quan trọng vào việc giữ gìn tư cách tác phong.

Hầu như không một SVSQ nào dám lui tới những ổ mại dâm, lúc ấy còn làm ăn đầy rẫy ở Đà Lạt. Bài bạc, say xưa, đánh lộn với thường dân không xảy ra.

Hệ thống tự chỉ huy tỏ ra có kết quả tốt, giải quyết được nhiều sai sót ngay từ sơ khởi mà không cần đưa lên cấp sĩ quan cán bộ. Tình thân ái cũng tỏ ra bền chặt hơn giữa các bạn đồng khóa vì thời gian hơn 2 năm sống bên nhau, ai cũng thuộc tên cả khóa.

Có dăm ba trường hợp SVSQ xin phép kết hôn. Vì là cấp hạ sĩ quan nên họ được cấp phép ngay sau thủ tục điều tra đơn giản. Sở dĩ có những g vụ “cưới liền tay” như vậy vì lúc đã là sĩ quan, sau khi nộp đơn phải đợi từ tám chín tháng đến hai năm mới được cấp phép khiến nhiều quan mất vợ vì “giấy phép để lâu ngày lấm kẻ gièm pha.” Thủ tục nhiều khê này mãi đến năm 1963, 1964 trở đi mới được cải cách toàn diện.

4 . Điểm quân phân. Khóa 12 là khóa sau cùng còn áp dụng chế độ cho điểm “hạnh kiểm” theo lối quân phân. Mỗi trung đội được một số điểm trung bình tổng cộng = quân số X 12 theo thang điểm x/20. Sĩ quan trung đội trưởng quyết định điểm của từng người, miễn sao cộng chung không quá tổng cộng điểm nói trên (nghĩa là nếu thêm 1 điểm cho một vài người thì phải bớt 1 điểm của một vài người khác). Quy định này khiến sĩ quan trung đội trưởng có quyền rất lớn, có thể đánh trượt một SVSQ trung bình, hay đưa người SVSQ này lên địa vị thủ khoa nếu đại đội trưởng và tiểu đoàn trưởng không can thiệp. Hệ số điểm hạnh kiểm (code d’amour) là 80, trong khi chiến thuật chỉ có 40.

5. Sinh hoạt văn hóa, thể thao. Khóa 12 kém hẳn về sinh hoạt văn hóa, thể thao. Một nhóm trong khóa 12 phụ trách tờ nội san Đà Lạt Tiến (tiền thân của Đa Hiệu) nhưng phẩm chất rất thấp. Đến khi vào tay Khóa 13 tờ báo mới khá hơn. Nhóm

phát thanh trên đài Đà Lạt rất cố gắng mới giữ được giờ giấc đều đặn cũng nhờ các nhân tài của Khóa 13. Còn các đội bóng rổ, bóng tròn thì sinh hoạt èo uột. Trong cuộc du hành quan sát có đấu vài trận với các đội địa phương nhưng không thủ thắng dù đội chủ nhà cố tình nhường bước.

6 . Tinh thần. Thời kỳ 1955-56 đất nước còn thanh bình nên tinh thần quân đội và dân chúng tạm vững vàng. Không khí đổi mới ở Miền Nam khiến anh em SVSQ phấn khởi, không còn mặc cảm tự ti là theo Pháp. Mọi người tin tưởng nhiều ở chính quyền, nhất là lúc ấy nạn tham nhũng không đáng kể.

Đến ngày mãn khóa, Phòng 1 Bộ TTM lên lập danh sách thỉnh nguyện chọn binh chủng. Trừ một người, còn tất cả đều chọn các binh chủng tác chiến như Nhảy Dù, TQLC, Bộ Binh, Thiết Giáp, Biệt Động Quân. Người duy nhất nói trên chọn ngành Quân Nhu.

7 . Đời sống vật chất. Đời sống vật chất nói chung trong quân đội không đến nỗi tệ hại như 10 năm sau đó trở đi. Lương bổng tạm đủ sống. Với lương tháng cấp trung sĩ hơn 2.000 đồng, anh em SVSQ tần tặn có thể gửi cho gia đình khoảng dưới 1.000 đồng. Đa số không nợ nần ai trừ những bạn có tính tiêu hoang quá đáng.

Thời Khóa 12 và 13 đang học, bữa trưa và chiều thường có món chính là thịt bò sấy khô của Úc chen với các bữa thịt tươi. Thấy một núi thùng thịt bò Úc trong kho ai nấy đều thất kinh. Học 1 ngày 8 tiếng không kể những đêm học chiến thuật, nên không đủ giờ nghỉ trưa. Thấy sức khỏe của SVSQ xuống rõ rệt, Trung Tá Chỉ Huy Trưởng phải đích thân xem xét điều kiện ăn ở, ra lệnh chấn chỉnh phạm điểm, phạt kỷ luật nặng nề sĩ quan phụ trách hỏa thực và yêu cầu Nha Quân Y giúp đỡ.

Sau cuộc thăm viếng của Nha Quân Y, bộ TTM cho phép thay đổi thời biểu sinh hoạt của SVSQ như tăng thêm giờ nghỉ buổi trưa tuy không giảm giờ học 8 tiếng mỗi ngày, và nhất là tăng cường bữa ăn thịnh soạn mỗi tuần một lần vào thứ tư

hoặc thứ năm (cơm tây hoặc cơm tầu). Bộ TTM cũng cho SVSQ được hưởng thêm phụ cấp tiền ăn.

8 . Với cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm rất chú trọng đến trường Võ Bị Đà Lạt. Có dư luận cho rằng ông Diệm chú trọng đến trường Võ Bị Đà Lạt và Học Viện Quốc Gia Hành Chánh vì hai trường này đào tạo cán bộ chỉ biết tuân lệnh. Nhưng đó là quan điểm không chính xác đối với mục tiêu đào tạo của hai trường này và đối với cố Tổng Thống Diệm. Ông có thể có sai lầm hay không, yêu nước hay hại nước, anh minh hay độc tài theo những quan điểm khác nhau. Nhưng riêng về quan niệm đối với việc đào tạo sĩ quan hiện dịch thì những phát biểu của ông hoặc đáng đón nhận hoặc ít nhất cũng không có gì sai trái.

Mùa hè năm 1956 trong chuyến công du Đà Lạt cùng Thủ Tướng U Nu của Miến Điện, ông Diệm chỉ thị cho Trung Tá Chỉ Huy Trưởng Nguyễn Văn Thiệu phải cho SVSQ du hành quan sát cả các công trình kinh tế, khoa học, chứ không riêng gì các công trình quân sự. Vì vậy mà khóa 12 được đi thăm Khu Cái Sắn, mà chương trình sơ khởi không dự trù.

Ông nói với ông U Nu trước Liên Đội 2 (trung đội 19+20) dàn chào ở phi trường Liên Khương cùng lúc đó rằng SVSQ được huấn luyện để sau này có thể giữ những chức vụ cao cấp ngoài quân đội như bộ trưởng, tổng thống... Tương tự, trong một bữa ăn sáng tại trường, ông Diệm có nói với mấy SVSQ đứng quanh ông rằng “Anh nào vào quân đội chỉ với mong ước sau này sẽ lên đến thiếu tá, trung tá rồi về hưu thì đừng vào trường này...” Trong những dịp khác, ông còn dặn dò SVSQ phải tập tuân lệnh để sau này lãnh đạo ở cấp cao thì biết cách ra lệnh...

Vì thấy cố tổng thống của đệ nhất cộng hòa chú trọng đến trường Võ Bị như vậy nên có người gọi đùa khóa 12 là “khóa của ông Diệm,” nhất là vì ông đã tuyển 3 sĩ quan khóa 12 làm tùy viên (Đỗ Thọ, Lê Công Hoàn, Nguyễn Cửu Đắc). Thực ra, Khóa 12 không được hưởng đặc ân nào khác của ông.

V. DU HỌC.

Sau lễ mãn khóa, ngày 5/12/56 các tân sĩ quan Khóa 12 đi phép và khoảng ngày 20/12/56 về trình diện Phòng Quân Huấn TTM để làm thủ tục chót du học. Tất cả có 125 sĩ quan Khóa 12 được cho đi, số còn lại bị loại vì lý do an ninh hay sức khỏe. Và 10 sĩ quan bìa thính gốc từ quân đội giáo phái Nguyễn Trung Trực cũng phải ở lại.

Số 125 tân sĩ quan nói trên sang Mỹ bằng 3 chuyến bay PAA (Pan Am). Chuyến thứ nhất khởi hành ngày 27/12/1956, hai chuyến kế tiếp lên đường ngày 28 và 30. Tất cả đều tập trung ở Căn Cứ Chuyển Vận Oakland, California. Ngày 3/1/1957, tất cả cùng đi xe lửa xuống Trường Bộ Binh Fort Benning ở Georgia.

Tới trường ngày 6 thì ngày 7/1/57 anh em bắt đầu dự các cuộc thuyết trình giới thiệu, làm thủ tục và chính thức vào học Khóa Liên Hợp Đại Đội Trưởng Bộ Binh số 2 (ACO #2 hay Associated Company Officer #2) ngày 10/1/1957. Đến 16 tháng 5 năm 1957 khóa Đại Đội Trưởng bế mạc. Số 125 khóa sinh tiếp tục học 3 lớp chuyên môn. Có 15 người đi học Công Binh ở Fort Belvoir. Còn lại 110 anh em ở Fort Benning, chia ra khoảng một nửa học lớp Truyền Tin Binh Đoàn, phần còn lại học lớp Quân Xa, từ 24/5/1957.

Vào thời gian này các khóa ở Fort Benning và nhiều quân trường Mỹ nếu có đồng sĩ quan VNCH theo học, bài giảng được thông dịch viên dịch lại. Đa số SVSQ Khóa 12 và 13 sau một vài tháng làm quen, đều nghe hiểu và có nhiều người trao đổi ý kiến trực tiếp bằng tiếng Anh với huấn luyện viên.

Đến giữa tháng 8 năm 1957, các lớp truyền tin và quân xa ở Fort Benning bế giảng. Nhưng tất cả đều phải chờ đợi gần một tháng ở San Francisco vì công nhân hãng PAA đình công. Khi về đến Tân Sơn Nhất ngày 7/9/57, hầu hết còn ngất ngư vì lây bệnh cúm Á Châu ở Hạ Uy Di.

Về sau Khóa 13 cũng được du học cùng nơi và cùng lớp

như khóa 12, và cũng có một số bị ở lại. Đến Khóa 14, sĩ quan tốt nghiệp không còn được du học cả khóa như trước. Lý do được biết là vì nhu cầu cấp bách huấn luyện đại đội trưởng bộ binh đã chấm dứt.

Để đáp ứng công việc huấn luyện đợt tân binh quân dịch đầu tiên, 66 tân sĩ quan Khóa 12 được bổ nhiệm về Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Một số khoảng non nửa tân sĩ quan mà Bộ TTM dự trù cho đi các binh chủng được rút lại cho về TTHL Quang Trung. Số còn lại đi binh chủng về các trường thụ huấn chuyên môn như Pháo Binh, Truyền Tin, Quân Cụ.

Đến đây mới là lúc Khóa 12 thực sự chia tay nhau thành nhiều nhóm để rồi từ đó phân tán đi mọi cơ quan, đơn vị ở khắp các nơi trong nước.

Lữ Tuấn (K-12) biên soạn

Chú thích:

() Khóa Cấp Tốc Trung Đội Trưởng này là khóa duy nhất trong lịch sử nhà trường gồm các hạ sĩ quan ưu tú đủ điều kiện được tuyển chọn. Thời gian học khoảng 6 tháng. Tốt nghiệp với cấp bậc chuẩn úy hiện dịch thực thụ. Nhiều người gọi khóa này là Khóa 11 phụ, nhưng về phương diện danh nghĩa, Khóa Cấp Tốc Trung Đội Trưởng 1955 là một khóa chính thức của Trường Võ Bị Đà Lạt. Tuy không mang tên bằng số nhưng khi mãn khóa, khóa này được đặt tên là Khóa Vương Xuân Sỹ. Vì vậy có thể nói các khóa SVSQ hiện dịch của trường Võ Bị Đà Lạt không có khóa nào là khóa phụ. (Viết theo trí nhớ của một số cựu SVSQ, nếu có sai sót xin quý vị góp ý).*